

**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP QUYẾT ĐỊNH ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU.
MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP**

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC – THỰC PHẨM HÀ NỘI

(Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0101118079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 3 năm 2005, cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 25 tháng 5 năm 2016)



Địa chỉ: Số 02 Ngõ Gạch, Phường Hàng Buồm, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 37150371

Fax: 024 37150328

Website: www.vihafood.com

TỔ CHỨC TƯ VẤN



ASEAN SECURITIES

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASEAN

Địa chỉ: Tầng 4, số 18 Lý Thường Kiệt, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024 6275 3844

Fax: 024 6275 3816

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ông : **Trần Hữu Hạnh**

Chức vụ: **Giám đốc**

SĐT: 024 37150326

Fax: 024 37150328

MỤC LỤC

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	4
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	4
2. Cơ cấu tổ chức Công ty	7
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	8
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 25/9/2017 của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội.....	9
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng	10
□ <i>Danh sách Công ty mẹ:</i>	10
6. Hoạt động kinh doanh.....	11
7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất	14
8. Vị thế Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	15
9. Chính sách đối với người lao động	16
10. Chính sách cổ tức.....	17
11. Tình hình tài chính.....	18
12. Tài sản.....	24
12.1. Tình hình đất đai, nhà xưởng	24
12.2. Tình hình tài sản cố định.....	27
13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty	28
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty đại chúng.....	29
15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh	29
16. Các thông tin tranh chấp, kiện tụng liên quan đến Công ty	32
II. QUẢN TRỊ CÔNG TY	33
1. Hội đồng quản trị	33
2. Ban kiểm soát	38
3. Ban điều hành	41
4. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty	43
III. TÀI LIỆU ĐI KÈM.....	43

MỤC LỤC BẢNG BIỂU

<i>Bảng 1: Danh sách các Chi nhánh trực thuộc CTCP Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội</i>	<i>9</i>
<i>Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 25/9/2017 của CTCP Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội.....</i>	<i>9</i>
<i>Bảng 3: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 25/9/2017 của CTCP Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội.....</i>	<i>10</i>
<i>Bảng 4: Cơ cấu doanh thu của CTCP Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội.....</i>	<i>12</i>
<i>Bảng 5: Cơ cấu chi phí của CTCP Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội.....</i>	<i>13</i>
<i>Bảng 6: Cơ cấu lợi nhuận gộp của CTCP Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội.....</i>	<i>13</i>
<i>Bảng 7: Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của CTCP Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội.....</i>	<i>14</i>
<i>Bảng 8 : Cơ cấu lao động của CTCP Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội tại thời điểm 31/08/2017.....</i>	<i>16</i>
<i>Bảng 9: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.....</i>	<i>19</i>
<i>Bảng 10: Số dư các quỹ.....</i>	<i>19</i>
<i>Bảng 11: Các khoản phải thu.....</i>	<i>20</i>
<i>Bảng 12: Các khoản phải trả.....</i>	<i>20</i>
<i>Bảng 13: Doanh thu chưa thực hiện.....</i>	<i>21</i>
<i>Bảng 14: Các khoản đầu tư tài chính.....</i>	<i>22</i>
<i>Bảng 15: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....</i>	<i>23</i>
<i>Bảng 16: Tình hình đất đai, nhà xưởng của Công ty.....</i>	<i>24</i>
<i>Bảng 17: Giá trị tài sản cố định tại 31/12/2016.....</i>	<i>27</i>
<i>Bảng 18: Giá trị tài sản cố định tại ngày 30/09/2017.....</i>	<i>27</i>
<i>Bảng 19: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức của Công ty giai đoạn 2017 -2018.....</i>	<i>28</i>
<i>Bảng 20: Danh sách thành viên HĐQT.....</i>	<i>33</i>
<i>Bảng 21: Danh sách thành viên Ban kiểm soát.....</i>	<i>38</i>
<i>Bảng 22: Danh sách thành viên ban điều hành.....</i>	<i>41</i>


MỤC LỤC SƠ ĐỒ

<i>Sơ đồ 1: Sơ đồ tổ chức và quản lý của CTCP Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội</i>	<i>7</i>
--	----------

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký giao dịch

Tên gọi đầy đủ	:	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC – THỰC PHẨM HÀ NỘI
Tên Tiếng Anh	:	Hanoi Food Import – Export Joint Stock Company
Tên viết tắt	:	VIHAFOODCO
Logo của Công ty	:	
Trụ sở	:	Số 02 Ngõ Gạch, Phường Hàng Buồm, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại	:	024 37150371
Fax	:	024 37150328
Email	:	info@vihafood.com
Website	:	www.vihafood.com
Vốn điều lệ đăng ký	:	30.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp	:	30.000.000.000 đồng
Ngày trở thành công ty đại chúng	:	03/12/2007
Người đại diện theo pháp luật	:	Ông Trần Hữu Hạnh – Giám đốc
Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính	:	Bán buôn, bán lẻ gạo và kinh doanh tổng hợp

1.2 Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Loại chứng khoán	:	Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phần
- Mã chứng khoán	:	FHN
- Tổng số chứng khoán ĐKGD	:	3.000.000 cổ phiếu

- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển : **0 cổ phiếu**
nhượng theo quy định của pháp luật hoặc
của TCĐKGD:

- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tuân theo quy định tại Nghị định số 60/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 19/8/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Tại thời điểm 25/9/2017 (*thời điểm chốt danh sách cổ đông để đăng ký lưu ký chứng khoán*), số lượng cổ phần sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội là 0 cổ phần, tương ứng 0%.

1.3 Tóm tắt quá trình hình thành, phát triển của Công ty

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội có tiền thân là Công ty mậu dịch lương thực Hà Nội được thành lập ngày 28/9/1954 theo Quyết định số 097/BTC-QĐ-6C của Bộ Công thương nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tổng số cán bộ có 27 người trong đoàn quân về tiếp quản. Ra đời và phát triển ngay từ những ngày đầu Thủ đô được giải phóng, Công ty với sự non trẻ của mình đã vươn lên bằng ý chí kiên cường và sự sáng tạo linh hoạt nên đã hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, góp phần to lớn vào ổn định đời sống nhân dân, phục vụ sản xuất trong những năm đầy rẫy những khó khăn do hậu quả của chiến tranh để lại.

- Ngày 12/6/1961 Sở lương thực được thành lập thay thế cho hoạt động của Công ty mậu dịch lương thực Hà Nội với nhiệm vụ tổ chức thu mua – tiếp nhận – chế biến và phân phối lương thực nhằm đảm bảo cung cấp các nhu cầu về lương thực của thành phố và thực hiện các chính sách của Đảng và Nhà nước tại địa phương, Những năm đầu thập kỷ 60, ngành lương thực đã góp phần đắc lực trong sự nghiệp xây dựng cơ sở vật chất CNXH ở thủ đô.

- Trong thời kỳ chống chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ (1966-1975), Sở lương thực đã hoàn thành nhiệm vụ Đảng giao, góp phần không nhỏ cho cuộc kháng chiến chống Mỹ mau chóng giành thắng lợi.

- Trải qua 10 năm hoạt động trong hoàn cảnh đất nước vừa ra khỏi cuộc chiến tranh kéo dài ác liệt (1976-1985). Lo nhu cầu lương thực cho hàng triệu con người khi mà nguồn lương thực cả nước luôn trong tình trạng khủng hoảng nhưng với sự chủ động, sáng tạo trong công việc, đơn vị đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, đảm bảo lương thực cho người dân Hà Nội.

- Năm 1986-1988 đánh dấu những thử thách lớn lao của ngành lương thực trong những năm cuối cùng thực hiện chế độ bao cấp lương thực.

- Cuối tháng 10/1988 Liên Hiệp các Công ty lương thực Hà Nội được thành lập thay thế cho hoạt động của Sở lương thực.

- Từ cuối năm 1989 - 1990, thực hiện chủ trương đổi mới, xóa bao cấp, quốc doanh lương thực chuyển sang hạch toán kinh doanh XHCN. Đây là thách thức lớn đối với ngành vì một mặt vừa

phải kinh doanh để tự nuôi nhau, mặt khác phải phục vụ nhân dân để từng bước đi vào cơ chế mới.

- Năm 1992 Liên hiệp các Công ty lương thực Hà Nội hoạt động trong phạm vi nhỏ hơn trước, bao gồm 18 cửa hàng trong nội thành, 5 công ty lương thực ở 5 huyện, 5 công ty kinh doanh, chế biến, dịch vụ tổng hợp và có 3.146 lao động.

- Từ đầu năm 2001, thực hiện chủ trương của Đảng về sắp xếp lại nhằm nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước, Liên hiệp các Công ty lương thực Hà Nội được chuyển từ trực thuộc UBND thành phố Hà Nội về là thành viên của Tổng công ty lương thực Miền Bắc. Ngày 20/3/2001 Công ty lương thực Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 27/2001/QĐ/BNN-TCCB của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn thay thế cho Liên Hiệp các công ty lương thực Hà Nội.

- Năm 2004, Doanh nghiệp Nhà nước Công ty lương thực Hà Nội được cổ phần hóa thành Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực - Thực phẩm Hà Nội theo Quyết định số 4435/QĐ/BNN-TCCB ngày 09/12/2004 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Ngày 30/03/2005, Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0103007225, ngày 30/03/2005 do Sở KH&ĐT Thành phố Hà Nội cấp với vốn điều lệ là 30.000.000.000 đồng.

- Ngày 03/02/2007, Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chấp thuận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng.

- Ngày 08/11/2017, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 211/2017/GCNCP-VSD, với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 3.000.000 cổ phiếu.

Hơn mười năm hoạt động trong mô hình công ty cổ phần Công ty đã đạt được những thành tích nhất định. Hàng năm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra, quyền lợi của người lao động và các cổ đông luôn được đảm bảo.

Những kết quả đạt được trong suốt chặng đường dài (từ năm 1954 đến nay) đã khẳng định công tác điều hành lãnh đạo Công ty ở từng thời kỳ là đúng hướng do đó đã đưa Công ty vươn lên hòa nhập vào xu thế phát triển chung của đất nước. Với bề dày truyền thống đoàn kết nhất trí, năng động, sáng tạo đã được đúc kết trong quá trình dài gần 7 thập kỷ, giai đoạn tới đây, với sự tiếp tục cố gắng nỗ lực lớn của toàn thể cán bộ nhân viên, người lao động trong đơn vị, Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội tin tưởng sẽ có bước tiến nhảy vọt, tự khẳng định mình trong cơ chế thị trường và mỗi thành viên của Công ty ngày càng tự hào về trang sử vẻ vang của ngành lương thực Thủ đô.

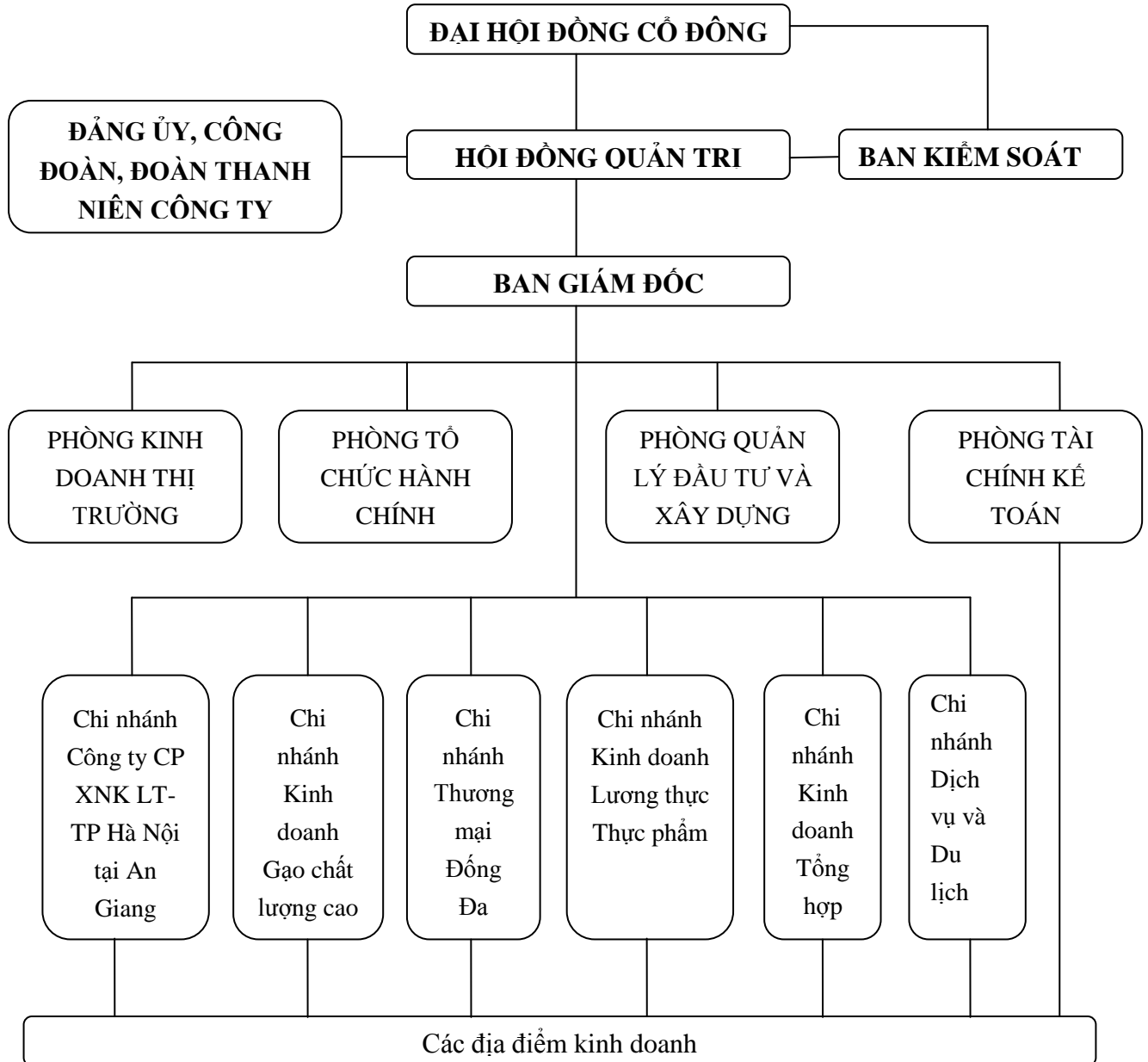
1.4 Quá trình tăng vốn của Công ty:

Công ty chưa thực hiện tăng vốn điều lệ kể từ khi hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Sơ đồ 1: Sơ đồ tổ chức và quản lý của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu

Lương thực – Thực phẩm Hà Nội



Nguồn: CTCP Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

❖ Cơ cấu bộ máy quản lý

- **Hội đồng quản trị:** 05 người gồm: 01 Chủ tịch và 04 thành viên.

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- **Ban kiểm soát:** 03 người gồm: 01 trưởng ban, 02 thành viên.

Ban kiểm soát là cơ quan kiểm soát hoạt động của Công ty, do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm.

- **Ban Giám đốc:**

- + **Giám đốc:** là người đại diện theo pháp luật của Công ty, do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm; là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp việc Giám đốc là các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ.

- + **Phó Giám đốc:** là người giúp Giám đốc quản lý điều hành một hoặc một số lĩnh vực được Giám đốc phân công, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Giám đốc và trước pháp luật về lĩnh vực mình được phân công phụ trách.

- + **Kế toán trưởng:** Tham mưu cho Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty trong lĩnh vực Tài chính - Kế toán của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT, Giám đốc và trước Pháp luật về lĩnh vực tài chính kế toán.

❖ Các phòng chuyên môn của Công ty: Gồm 4 phòng

- + **Phòng Tổ chức hành chính**

Là phòng chuyên môn, nghiệp vụ giúp Giám đốc xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực; thực hiện các chính sách lao động tiền lương đối với người lao động theo quy định của Pháp luật về lao động và điều kiện tài chính của công ty; giám sát việc tuân thủ các quy định trong quy chế Quản lý hành chính thông tin và Quy chế quản lý lao động.

- + **Phòng Kinh doanh thị trường**

Là phòng chuyên môn, nghiệp vụ tham mưu giúp Giám đốc Công ty quản lý và điều hành về các lĩnh vực: Xây dựng chiến lược phát triển thị trường; Triển khai kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty, trực tiếp tổ chức chỉ đạo, quản lý và theo dõi hoạt động kinh doanh của Công ty; Nghiên cứu chế độ, pháp luật về kinh doanh và thị trường; triển khai thị trường và chăm sóc khách hàng; Quản lý các vấn đề kỹ thuật, bảo quản hàng hóa và kho hàng; Ký các hợp đồng theo sự phân công, ủy quyền của Giám đốc.

- + **Phòng Quản lý đầu tư và xây dựng**

Là phòng chuyên môn, nghiệp vụ tham mưu giúp Giám đốc Công ty trong lĩnh vực quản lý nhà đất, các bất động sản khác thuộc quyền sở hữu hoặc sử dụng của công ty; Giám sát thi công, nghiệm thu chất lượng công trình xây dựng của Công ty; Đánh giá chất lượng thiết bị kỹ thuật, tìm kiếm thị trường công nghệ hợp lý mang lại lợi ích cho xã hội và công ty; Quản lý, theo dõi các dự án hình thành từ các hợp đồng hợp tác đầu tư của công ty; Quản lý, theo dõi các dự án đầu tư khác của công ty theo sự phân công của Giám đốc.

+ Phòng Tài chính kế toán

Là phòng chuyên môn, nghiệp vụ tham mưu giúp Giám đốc trong các lĩnh vực: Công tác hạch toán kế toán và công tác tài chính tiền tệ, nhằm đảm bảo thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, bảo toàn và phát triển vốn, hạch toán kinh doanh có hiệu quả đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững của công ty.

❖ Các đơn vị kinh doanh trực thuộc gồm:

Bảng 1: Danh sách các Chi nhánh trực thuộc CTCP Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội

STT	Chi nhánh	Địa chỉ
1	Chi nhánh CTCP Xuất nhập khẩu Lương thực Thực - phẩm Hà Nội tại An Giang	Khóm Châu Long 1, phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang
2	Chi nhánh Kinh doanh gạo chất lượng cao	Số 162 Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội
3	Chi nhánh Dịch vụ và Du lịch	31 – 33 Mã Mây, phường Hàng Buồm, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội
4	Chi nhánh Kinh doanh Tổng hợp	13 Đường Thành, phường Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội
5	Chi nhánh Kinh doanh Lương thực Thực phẩm	130E Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Tp. Hà Nội
6	Chi nhánh Thương mại Đống Đa	24 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

Nguồn: CTCP Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 25/9/2017 của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội

4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 25/9/2017

Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 25/9/2017 của CTCP Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Giấy ĐKKD/CMT	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	Số 6, Ngô Quyền, P.Lý Thái Tổ, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	0100102608	1.530.000	51%
Tổng cộng				1.530.000	51%

Nguồn: CTCP Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội

4.2 Danh sách cổ đông tại thời điểm 25/9/2017

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 25/9/2017 của CTCP Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội

STT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ/vốn cổ phần hiện tại
1	Cổ đông Nhà nước	01	1.530.000	51%
1	Cổ đông trong nước	259	1.470.000	49%
	- Cá nhân	258	1.462.300	48,74%
	- Tổ chức	01	7.700	0,26%
2	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
	- Cá nhân	-	-	-
	- Tổ chức	-	-	-
3	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
	Tổng cộng	260	3.000.000	100%

Nguồn: CTCP Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội

4.3 Danh sách cổ đông sáng lập tại thời điểm 25/9/2017

Theo khoản 3, Điều 119, Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014: “Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông”. Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 30/03/2005. Như vậy, tính đến thời điểm hiện tại, số cổ phần của cổ đông sáng lập đã có quyền tự do chuyển nhượng.

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng

❖ Danh sách Công ty mẹ:

Tên Công ty : Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc

Địa chỉ : Số 6 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : 024 3926 4466

Fax : 024 3926 447

Giấy ĐKKD : 0100102608 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp

Vốn điều lệ : 3.691 tỷ đồng (năm 2016)

Vốn góp tại CTCP Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội là 15.300.000.000 đồng, chiếm 51% VDL.

Ngành nghề chính: Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc – VINAFOOD I được thành lập theo Quyết định số 312/QĐ-TTg ngày 24/5/1995 của Thủ tướng Chính phủ và là doanh nghiệp lớn trong lĩnh vực xuất khẩu gạo.

❖ *Danh sách Công ty con: Không có*

❖ *Danh sách Công ty liên doanh, liên kết: Không có*

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Các sản phẩm, dịch vụ chính

Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh các mặt hàng lương thực và nông sản phục vụ cho xuất khẩu và nội địa, trong đó sản phẩm chính là gạo. Có thể kể đến một số sản phẩm chính như:

- **Gạo các loại:**

- Gạo xuất khẩu Việt Nam: các loại gạo theo tiêu chuẩn xuất khẩu Việt Nam và tiêu chuẩn đặc thù.
- Gạo thương hiệu, gạo đặc sản: đã được cấp Giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định.

- **Một số sản phẩm gạo:**

- + Bắc Hương
- + Nhân Vàng
- + Nếp cái Hoa Vàng
- + Tám Điện Biên
- + Sương Giang
- + Thiên Châu
- + Thai's King
- + Bắc Thơm
- + Sóc Trắng
- + Tẻ thường

- + Thạch Sanh
- Các loại gạo khác: gạo tẻ thường, gạo nếp ăn...
- Sản phẩm nông sản: Sắn lát, ngô, đỗ tương, Bột mỳ, tinh bột sắn ...
- Nguyên liệu cho chế biến thức ăn chăn nuôi.
- Dịch vụ du lịch: tổ chức tour du lịch, dịch vụ liên quan tới du lịch lữ hành...
- Phân phối, bán buôn bán lẻ dụng cụ kim khí, hàng tiêu dùng...
- Phân phối thời trang, may mặc...

6.2 Cơ cấu doanh thu

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu của CTCP Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		30/09/2017	
	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT
Doanh thu bán hàng	815.789.031.223	94,18%	832.806.638.072	97,54%	506.848.580.798	91,53%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	49.245.378.661	5,69%	16.825.868.307	1,97%	46.925.416.836	8,47%
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	1.058.970.772	0,12%	4.149.309.729	0,49%	-	-
Doanh thu khác	116.040.909	0,01%	-	-	-	-
Tổng doanh thu	866.209.421.565	100%	853.781.816.108	100%	553.773.997.634	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, 2016 và BCTC Quý III/2017 của CTCP Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội

6.3 Cơ cấu chi phí

Bảng 5: Cơ cấu chi phí của CTCP Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		30/09/2017	
	Giá trị	Tỷ trọng /DTT	Giá trị	Tỷ trọng /DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT
Giá vốn hàng bán	815.115.025.174	93,4%	801.656.125.401	93,4%	582.775.980.185	93,3%
Chi phí bán hàng	43.350.714.891	5,0%	41.055.456.356	4,8%	28.583.456.961	5,1%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.170.324.379	0,8%	13.589.151.391	1,6%	11.302.834.254	2,0%
Chi phí tài chính	1.266.281.911	0,1%	1.144.035.932	0,1%	922.393.776	0,1%
Chi phí khác	5.634.998.583	0,6%	464.228.439	0,1%	1.098.051.674	0,2%
Tổng chi phí	872.537.344.938	100%	857.908.997.519	100%	624.682.716.850	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, 2016 và BCTC Quý III/2017 của CTCP Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội

6.4 Cơ cấu lợi nhuận gộp

Bảng 6: Cơ cấu lợi nhuận gộp của CTCP Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	30/09/2017
	Giá trị	Giá trị	Giá trị
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	51.065.654.878	52.119.590.337	34.842.060.415
Tỷ trọng/Doanh thu thuần	5,9%	6,1%	6,29%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, 2016 và BCTC Quý III/2017 của CTCP Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất**Bảng 7: Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của CTCP Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội**

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm	30/09/2017
1	Tổng tài sản	229.812.486.913	170.141.516.894	-25,97%	190.039.747.506
2	Vốn chủ sở hữu	47.206.249.187	47.764.240.451	1,18%	47.885.054.570
3	Doanh thu thuần	866.180.680.052	853.775.715.738	-1,43%	617.618.040.600
4	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	806.172.250	-1.253.932.699	-255,54%	-4.416.637.353
5	Lợi nhuận khác	742.608.310	3.358.789.598	352,30%	6.067.800.443
6	Lợi nhuận trước thuế	1.548.780.560	2.104.856.899	35,90%	1.651.163.090
7	Lợi nhuận sau thuế TNDN	915.587.850	1.501.163.527	63,96%	1.320.930.472
8	Giá trị sổ sách (đồng/cổ phần)	15.735	15.921	1,18%	15.962

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, 2016 và BCTC Quý III/2017 của CTCP Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội

(*) Lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng cao trong năm 2016 vì trong giai đoạn này, Công ty có doanh thu từ hoạt động tài chính tăng mạnh. Tổng doanh thu tài chính năm 2015 là 1.527.838.553 đồng, tổng doanh thu tài chính năm 2016 là 2.415.120.643 đồng tương đương tăng gần 1 tỷ đồng so với tổng doanh thu tài chính năm 2015.

❖ **Ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán tại BCTC kiểm toán năm 2016:**

- Tổng giá trị của các bất động sản Công ty nhận được từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh phát sinh trong các năm từ 2015 trở về trước là 9.107.520.944 đồng, chưa được Công ty ghi nhận là thu nhập tại thời điểm nhận bàn giao. Giá trị của các bất động sản nhận bàn giao nói trên được Công ty ghi nhận trên khoản mục doanh thu chưa thực hiện dài hạn và thực hiện phân bổ vào thu nhập khác theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản (25 năm). Giá trị

còn lại của các bất động sản nêu trên chưa được phân bổ vào thu nhập khác tại ngày 31/12/2016 là 7.673.490.797 đồng. Nếu Công ty hạch toán đúng theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán doanh nghiệp tại thời điểm nhận bàn giao thì số dư khoản mục Doanh thu chưa thực hiện dài hạn tại ngày 31/12/2016 sẽ giảm đi, số dư khoản mục lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31/12/2016 sẽ tăng thêm cùng số tiền là 7.673.490.797; Thu nhập khác của năm 2016 sẽ giảm đi số tiền 364.300.840 đồng (*).

- Số dư tiền thuê đất phải trả các Chi Cục thuế tại các điểm thuê đất tự quản và nhà đi thuê của Công ty tại ngày 31/12/2016 là 5.167.066.803 đồng.

Ghi chú: () Tại thời điểm 31/12/2016, giá trị của các bất động sản nhận bàn giao không được ghi nhận hết vào khoản mục thu nhập mà chỉ được ghi nhận trên khoản mục doanh thu chưa thực hiện dài hạn do Công ty thực hiện phân bổ khoản giá trị này vào thu nhập khác trong khoảng thời gian 25 năm cho đến khi phân bổ hết. Theo số liệu của Công ty, tính đến 30/9/2017, giá trị của các bất động sản nhận bàn giao được ghi nhận trên khoản mục doanh thu chưa thực hiện dài hạn là 7.400.265.167 đồng.*

8. Vị thế Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Với bề dày lịch sử phát triển, Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội có bề dày hoạt động trên 60 năm trong ngành lương thực nói chung, ngành thương nghiệp trên địa bàn Hà Nội nói riêng, hiện là một trong những thành viên hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả thuộc Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc. Để có được điều này, công ty luôn có định hướng phát triển từng giai đoạn cụ thể, chú trọng phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao góp phần tăng năng suất lao động và nâng cao chất lượng dịch vụ mà công ty cung cấp, tạo nên một thương hiệu uy tín trên thị trường.

Đối với các mặt hàng gạo đóng túi, gạo thương hiệu: Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội chiếm thị phần tương đối hạn chế so với nhu cầu của gạo đóng túi trên địa bàn Hà Nội. Tuy nhiên, nhìn nhận được những cơ hội từ thị trường mang lại, Công ty đã xây dựng kế hoạch và định hướng phát triển phù hợp, tích cực nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, học tập, nghiên cứu áp dụng các giải pháp mới nâng cao chất lượng dịch vụ... nhằm tranh thủ tối đa những cơ hội từ thị trường đem lại trong tương lai.

8.2 Triển vọng phát triển của ngành

Phát triển nông nghiệp - nông thôn đóng vai trò chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế xã hội, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm an ninh quốc phòng, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái đất nước. Với tầm quan trọng của việc phát triển ngành nông nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã đặt mục tiêu tổng quát cho toàn ngành trong giai đoạn 2011 -2020 là: Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản

xuất hàng hoá lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia cả trước mắt và lâu dài. Trong đó, việc trồng và sản xuất lúa gạo với mục tiêu đến năm 2020 cả nước sẽ đạt hơn 41 triệu tấn lúa gạo trên diện tích canh tác 3,7 triệu ha.

Theo số liệu thống kê đến cuối tháng 10, sản lượng lương thực cả nước năm 2017 ước giảm 151.000 tấn. Đi sâu vào từng vùng miền thì miền Bắc giảm 266.000 tấn (riêng đợt thiệt hại do lũ lụt vừa qua giảm 133.000 tấn), tuy nhiên miền Trung sản lượng tăng nên bù vào phần giảm của miền Bắc, ĐBSCL đầu năm lũ về sớm ảnh hưởng đến một số diện tích lúa đông xuân nhưng lúa hè thu, thu đông khá tốt, nên cơ bản sản lượng lúa ổn định.

Đồng bằng sông Cửu Long là vùng sản xuất có lợi thế nhất về lúa gạo nên sẽ được ưu tiên đầu tư phát triển sản xuất lúa hàng hóa quy mô lớn. Hình thành hệ thống các trang trại sản xuất lúa, tạo nên vùng chuyên canh sản xuất lúa nguyên liệu phục vụ các trung tâm chế biến. Bộ cũng sẽ xác định diện tích có khả năng thích nghi cao nhất với sản xuất lúa, quy hoạch cố định để chuyên canh lúa đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, đồng thời áp dụng hệ thống chính sách bù đắp thu nhập cho vùng này nhằm hoàn toàn đảm bảo nhu cầu trong nước (ở Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng sông Hồng)....

Như vậy, trong thời gian tới, Đảng và Nhà nước tiếp tục theo dõi, quy hoạch và tạo điều kiện cho ngành nông nghiệp của Việt Nam nói chung và ngành trồng trọt nói riêng để phát triển một cách toàn diện, đảm bảo xây dựng vững chắc nền nông nghiệp nước nhà. Là một doanh nghiệp với các hoạt động chính là chế biến, kinh doanh và xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp, Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội sẽ có nhiều lợi thế để phát triển hoạt động kinh doanh của mình trong tương lai với những chính sách khuyến khích phát triển và mở rộng sản xuất của Nhà nước.

9. Chính sách đối với người lao động

❖ Cơ cấu lao động

Bảng 8 : Cơ cấu lao động của CTCP Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội tại thời điểm 31/08/2017

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động		
1	Đại học và trên đại học	96	49,74
2	Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	29	15,03
3	Lao động phổ thông	68	35,23
II	Theo đối tượng lao động		
	Lao động trực tiếp	116	60,1
	Lao động gián tiếp	77	39,9
Tổng cộng		193	100

Nguồn: CTCP Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội

❖ **Số lượng người lao động trong Công ty**

Số lượng người lao động trong công ty tại thời điểm ngày 31/08/2017: 193 người

❖ **Chế độ đối với người lao động trong Công ty**

Ngay từ khi cổ phần hóa - chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần, người lao động làm việc trong Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội luôn được đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp theo đúng quy định của pháp luật. Cụ thể:

▪ **Chính sách trợ cấp**

Áp dụng hình thức trợ cấp thôi việc theo quy định của pháp luật về lao động.

▪ **Chế độ làm việc**

Công ty thực hiện chế độ làm việc 8h/ngày, không quá 48h/tuần.

▪ **Chính sách lương, thưởng**

Công ty đã ký hợp đồng lao động với 100% người lao động và trả lương đầy đủ cho người lao động theo quy định của pháp luật. Công ty áp dụng các chính sách bổ sung thu nhập vào các ngày lễ, Tết,...

▪ **Chế độ bảo hiểm**

Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty thực hiện theo đúng qui định pháp luật và đảm bảo toàn thể người lao động đều được hưởng đầy đủ các chế độ bảo hiểm. 100% người lao động được tham gia BHXH, BHYT, BHTN.

▪ **Chế độ chính sách khác**

Ngoài việc thực hiện các chính sách lương, thưởng, chế độ bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp theo qui định pháp luật, Công ty tiếp tục duy trì và đảm bảo các chế độ khác như: hàng năm khám sức khỏe định kỳ nhằm phát hiện bệnh sớm để người lao động khắc phục kịp thời, yên tâm công tác. Vào các dịp nghỉ hè hoặc các ngày kỷ niệm truyền thống, người lao động được động viên bằng nhiều hình thức như tổ chức tham quan, nghỉ mát hoặc bồi dưỡng tại chỗ...

▪ **Mức lương bình quân**

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty như sau:

Năm 2013	:	6.100.000 đồng/người/tháng
Năm 2014	:	5.908.000 đồng/người/tháng
Năm 2015	:	6.356.000 đồng/người/tháng
Năm 2016	:	6.534.000 đồng/người/tháng

10. Chính sách cổ tức

Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật, ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả. Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội

đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 12/4/2016, lợi nhuận sau thuế năm 2015 được phân phối dùng để trả cổ tức bằng tiền mặt 3% tương đương với 900.000.000 đồng.

Tại ĐHĐCĐ thường niên ngày 31/3/2017 của Công ty đã thông qua Nghị quyết về việc phân phối lợi nhuận năm 2016, theo đó ĐHĐCĐ quyết định tỷ lệ trả cổ tức năm 2016 là 3,5% (tăng 17% so với kế hoạch). Công ty đã thanh toán xong cổ tức của năm 2016 cho các cổ đông.

11. Tình hình tài chính

11.1. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

a) Chính sách khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20
Máy móc và thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Công ty không trích khấu hao đối với giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời

BẢN TÓM TẮT THÔNG TIN CTCP XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC – THỰC PHẨM HÀ NỘI

gian sử dụng đất. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 đến 06 năm.

b) Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay đến hạn.

c) Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện đầy đủ các khoản phải nộp theo luật định về thuế như: thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp, phí và lệ phí.

Bảng 9: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	30/09/2017
1	Thuế giá trị gia tăng	-335.015.607	-185.384.830	-255.223.499
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	631.432.447	199.197.738	115.108.604
3	Thuế thu nhập cá nhân	15.242.185	22.205.884	11.593.138
4	Thuế nhà đất, tiền thuê đất	5.620.714	5.620.714	5.620.714
Tổng cộng		317.279.739	41.639.506	-122.901.043

Nguồn: BCTC kiểm toán 2016 của CTCP Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội

d) Trích lập các quỹ

Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động, kết thúc niên độ kế toán, căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội quyết định phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo quy định.

Bảng 10: Số dư các quỹ

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/ 2015	31/12/ 2016	30/09/2017
1	Quỹ đầu tư phát triển	16.263.076.924	16.263.076.924	16.564.124.098
2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.541.415.706	1.439.356.869	1.545.373.222

Nguồn: BCTC kiểm toán 2016 và BCTC Quý III/2017 của CTCP Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội

e) Tình hình công nợ hiện nay

❖ **Các khoản phải thu:****Bảng 11: Các khoản phải thu**

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/ 2015	31/12/ 2016	30/09/2017
I	Phải thu ngắn hạn	50.189.098.025	28.842.726.804	32.259.539.871
1	Phải thu khách hàng	23.344.943.982	26.536.337.455	24.878.252.405
2	Trả trước cho người bán	26.403.630.958	951.143.423	5.823.056.814
3	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.468.982.876	5.383.705.717	5.586.690.443
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-4.028.459.791	-4.028.459.791	-4.028.459.791
II	Phải thu dài hạn	3.425.424.526	3.630.975.233	3.630.975.233
1	Phải thu dài hạn khác	3.425.424.526	3.630.975.233	3.630.975.233
Tổng cộng		53.614.522.551	32.473.702.037	35.890.515.104

Nguồn: BCTC kiểm toán 2016 và BCTC Quý III/2017 của CTCP Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội

❖ **Các khoản phải trả:****Bảng 12: Các khoản phải trả**

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	30/09/2017
I	Nợ ngắn hạn	157.936.458.026	98.143.843.039	118.315.394.254
1	Phải trả người bán	29.217.484.092	24.751.930.915	27.578.731.152
2	Người mua trả tiền trước	23.466.971.308	4.340.269.227	11.399.525.617
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	853.058.950	577.418.717	412.878.168
4	Phải trả người lao động	5.211.036.550	6.168.182.500	6.673.200.000
5	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	1.114.448.500	1.195.848.682	876.852.954
6	Phải trả ngắn hạn khác	63.878.042.920	46.570.836.129	55.002.833.141
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	31.654.000.000	10.950.000.000	12.676.000.000
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.000.000.000	2.150.000.000	2.150.000.000
9	Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.541.415.706	1.439.356.869	1.545.373.222

BẢN TÓM TẮT THÔNG TIN CTCP XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC – THỰC PHẨM HÀ NỘI

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	30/09/2017
II	Nợ dài hạn	24.669.779.700	24.233.433.404	23.839.298.682
1	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	23.064.974.231	22.526.127.935	22.121.993.213
2	Phải trả dài hạn khác	1.528.805.469	1.662.305.469	1.672.305.469
3	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	76.000.000	45.000.000	45.000.000
Tổng cộng		182.606.237.726	122.377.276.443	142.154.692.936

Nguồn: BCTC kiểm toán 2016 và BCTC Quý III/2017 của CTCP Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội

- **Doanh thu chưa thực hiện**

Bảng 13: Doanh thu chưa thực hiện

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	30/09/2017
I	Ngắn hạn	1.114.448.500	1.195.848.682	876.852.954
1	Doanh thu nhận trước	1.114.448.500	1.195.848.682	876.852.954
II	Dài hạn	23.064.974.231	22.526.127.935	22.121.993.213
1	Lợi thế khai thác quyền sử dụng đất góp vốn vào Công ty cổ phần phân phối – Bán lẻ VNF1 (i)	14.169.000.000	14.169.000.000	14.169.000.000
2	Giá trị tài sản được nhận từ Dự án 195 Đội Cấn (ii)	1.921.189.532	1.820.074.292	1.744.237.862
3	Giá trị tài sản được nhận từ dự án tòa nhà chung cư N04B2 khu đô thị mới Dịch Vọng (iii)	2.145.113.005	2.051.847.221	1.981.897.883
4	Giá trị tài sản được nhận từ dự án chung cư Hoàng Sâm, Cầu Giấy (iii)	2.160.155.767	2.066.235.951	1.995.796.089
5	Giá trị tài sản được nhận từ dự án tòa nhà D2 Giảng Võ (iv)	1.811.333.333	1.735.333.333	1.678.333.333
6	Doanh thu nhận trước	858.182.594	683.637.138	552.728.046
Tổng cộng		24.179.422.731	23.721.976.617	22.998.846.167

Nguồn: BCTC kiểm toán 2016 và BCTC Quý III/2017 của CTCP Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội

BẢN TÓM TẮT THÔNG TIN CTCP XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC – THỰC PHẨM HÀ NỘI

- (i) Là giá trị lợi thế khai thác quyền sử dụng đất góp vốn vào Công ty Cổ phần Phân phối – Bán lẻ VNF1 (Công ty con của Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc). Theo công văn số 719/TCTLTMB – TCKT ngày 25/12/2008 của Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc, do Công ty chưa có đủ hồ sơ pháp lý để làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần phân phối – Bán lẻ VNF1 theo cam kết góp vốn, nên Công ty chưa ghi nhận thu nhập tương ứng với giá trị lợi thế khai thác quyền sử dụng đất nêu trên.
- (ii) Là giá trị còn lại của các bất động sản được chia theo Thỏa thuận hợp tác đầu tư ngày 12/03/2003 về việc hợp tác đầu tư xây dựng công trình tổ hợp cao tầng tại số 195 Đội Cán, Ba Đình, Hà Nội. Bất động sản được sử dụng để cho thuê. Công ty thực hiện phân bổ giá trị của bất động sản nhận được vào thu nhập khác theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 25 năm, tương ứng với thời gian sử dụng ước tính của tài sản này.
- (iii) Là giá trị còn lại của các bất động sản được chia theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh xây dựng trung tâm thương mại – tổ hợp nhà ở số 9 Cát Linh – số 3 Đặng Trần Côn ký ngày 15/05/2002 giữa Công ty với Công ty cổ phần Tập đoàn Hà Đô. Các bất động sản được sử dụng để cho thuê. Công ty thực hiện phân bổ giá trị của bất động sản nhận được vào thu nhập khác theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 25 năm, tương ứng với thời gian sử dụng ước tính của tài sản này.
- (iv) Là giá trị còn lại của các bất động sản được chia theo Hợp đồng số 102/HĐ/GB-SĐTL về việc hỗ trợ di dời, tạm cư và tái định cư cửa hàng thuộc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực Thực phẩm Hà Nội tại tầng 1, nhà D2 Giảng Võ, phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Hà Nội ký ngày 28/07/2010 giữa Công ty và Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển nhà Gia Bảo. Bất động sản được sử dụng để cho thuê. Công ty thực hiện phân bổ giá trị của bất động sản nhận được vào thu nhập khác theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 25 năm, tương ứng với thời gian sử dụng ước tính của tài sản này.

f) Các khoản đầu tư tài chính

Bảng 14: Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	30/09//2017
I	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	34.850.000.000	25.500.000.000	27.000.000.000
1	Tiền gửi có kỳ hạn	34.850.000.000	25.500.000.000	27.000.000.000
II	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	17.663.000.000	17.663.000.000	17.663.000.000
1	CTCP Phân phối bán lẻ Vinafood 1	17.663.000.000	17.663.000.000	17.663.000.000

Nguồn: BCTC kiểm toán 2016 và BCTC Quý III/2017 của CTCP Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội

BẢN TÓM TẮT THÔNG TIN CTCP XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC – THỰC PHẨM HÀ NỘI

(*) Tổng giá trị phần vốn góp của CTCP Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội vào CTCP Phân phối – Bán lẻ VNF1 là 17.663.000.000 đồng, tương đương 1.766.300 cổ phần, chiếm 10,16% vốn điều lệ CTCP Phân phối – Bán lẻ VNF1. Trong đó, giá trị vốn góp bằng tài sản cố định hữu hình là 3.494.000.000 đồng và góp bằng lợi thế khai thác quyền sử dụng đất là 14.169.000.000 đồng.

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**Bảng 15: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn:		
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,16	1,22
- Hệ số thanh toán nhanh:		
$\frac{\text{TSLĐ} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	0,75	0,84
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (lần)		
- Hệ số nợ/Tổng tài sản:	0,79	0,72
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu:	3,87	2,56
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (lần)		
- Vòng quay hàng tồn kho:		
$\frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}}$	15,76	15,66
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	4,00	4,27
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)		
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,11%	0,18%
- Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	1,94%	3,16%
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ	0,42%	0,75%
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,09%	-0,15%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2016 của CTCP Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội

12. Tài sản**12.1. Tình hình đất đai, nhà xưởng****Bảng 16: Tình hình đất đai, nhà xưởng của Công ty**

STT	Địa chỉ	Diện tích (m²)	Tình trạng đất	Hiện trạng sử dụng
I	Quận Ba Đình	1.790,94		
1	16 Châu Long	270,10	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Cơ sở kinh doanh
2	116 Ngọc Hà	242,50	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Cơ sở kinh doanh
3	84 Quán Thánh	226,60	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Cơ sở kinh doanh
4	Thành Công	217,22	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Cơ sở kinh doanh
5	113 Sơn Tây	89,30	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Cơ sở kinh doanh
6	50B Châu Long	34,42	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Cơ sở kinh doanh
7	195 Đội Cấn	520,8	Sở hữu đất theo Biên bản bàn giao ký ngày 19/6/2008 giữa Công ty CP XNK LT-TP Hà Nội và Công ty CP Tư tạo và Phát triển nhà Hà Nội. Chưa có sổ đỏ.	Văn phòng làm việc
8	D2 Giảng Võ	190	Sở hữu đất theo Biên bản bàn giao ký ngày 10/10/2014 giữa Công ty CP XNK LT-TP Hà Nội và Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà Gia Bảo. Chưa có sổ đỏ.	Văn phòng + Cơ sở kinh doanh
II	Quận Hoàn Kiếm	1.182,69		
9	Số 2 Ngõ Gạch	895,11	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Trụ sở, văn phòng Công ty
10	84 Thợ Nhuộm	70,00	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Cơ sở kinh doanh
11	23 Đào Duy Từ	63,87	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Cơ sở kinh doanh
12	24 Đào Duy Từ	61,64	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Cơ sở kinh doanh

BẢN TÓM TẮT THÔNG TIN CTCP XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC – THỰC PHẨM HÀ NỘI

STT	Địa chỉ	Diện tích (m²)	Tình trạng đất	Hiện trạng sử dụng
13	36 Nguyễn Hữu Huân	52,33	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Cơ sở kinh doanh
14	22 Lương Ngọc Quyến	39,74	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Cơ sở kinh doanh
III	Quận Đống Đa	952,35		
15	11 Lương Định Của	388,65	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Cơ sở kinh doanh
16	179 Giảng Võ	383,70	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Cơ sở kinh doanh
17	147 Thái Thịnh	180,00	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Cơ sở kinh doanh
IV	Quận Thanh Xuân	826,21		
18	Thanh Xuân Bắc	352,14	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Cơ sở kinh doanh
19	24 Phan Đình Giót	324,19	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Văn phòng chi nhánh và cơ sở kinh doanh
20	64 Kim Giang	139,88	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Cơ sở kinh doanh
V	Quận Hai Bà Trưng	1.654,80		
21	28A + 30A ngõ 9 Minh Khai	428,35	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Cơ sở kinh doanh
22	168 Lò Đúc	296,09	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Cơ sở kinh doanh
23	Ngõ 349 Minh Khai	278,93	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Kho chứa hàng
24	214 Hồng Mai	216,55	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Cơ sở kinh doanh
25	E6 Quỳnh Mai	184,85	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Cơ sở kinh doanh
26	E7 Bách Khoa	165,87	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Cơ sở kinh doanh
27	238 Trương Định	46,94	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có	Cơ sở kinh

BẢN TÓM TẮT THÔNG TIN CTCP XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC – THỰC PHẨM HÀ NỘI

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Tình trạng đất	Hiện trạng sử dụng
			hợp đồng thuê đất	doanh
28	177 Lò Đúc	37,22	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Cơ sở kinh doanh
VI	Quận Hoàng Mai	326,82		
29	104 Nguyễn An Ninh	303,10	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Cơ sở kinh doanh
30	85 Nguyễn An Ninh	23,72	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Cơ sở kinh doanh
VII	Quận Long Biên	507,03		
31	Việt Hưng (44 Ngô Gia Tự)	507,03	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Văn phòng Chi nhánh
VIII	Quận Tây Hồ	972,12		
32	130 Thụy Khuê	579,45	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Văn phòng Chi nhánh
33	An Dương	392,67	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Cơ sở kinh doanh
IX	Quận Cầu Giấy	360		
34	Chung cư NO4B2 KĐT mới Dịch Vọng	228	Sở hữu đất theo Biên bản bàn giao ký ngày 02/1/2014 giữa Công ty CP XNK LT-TP Hà Nội và Công ty CP Tập đoàn Hà Đô. Chưa có sổ đỏ.	Cơ sở kinh doanh
35	Chung cư Hoàng Sâm	132	Sở hữu đất theo Biên bản bàn giao ký ngày 02/1/2014 giữa Công ty CP XNK LT-TP Hà Nội và Công ty CP Tập đoàn Hà Đô. Chưa có sổ đỏ.	Văn phòng làm việc
X	Châu Đốc An Giang	11.787,30	Đất thuê, trả tiền hàng năm đối với phần diện tích 6.813,2 m ² , chưa có hợp đồng thuê đất	Văn phòng Chi nhánh và cơ sở sản xuất chế biến
	Tổng cộng	20.360,26		

Nguồn: CTCP Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội

() Phần lớn diện tích đất tự quản của Công ty hiện chưa được ký hợp đồng thuê đất và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Công ty thực hiện trả tiền thuê đất hàng năm theo thông báo của chi cục thuế theo quy định.*

12.2. Tình hình tài sản cố định

- ❖ Giá trị tài sản cố định của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội tại thời điểm 31/12/2016 như sau:

Bảng 17: Giá trị tài sản cố định tại 31/12/2016

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	GTCL/Nguyên giá (%)
I	Tài sản cố định hữu hình	33.828.838.045	11.663.971.845	34,48%
1	Nhà xưởng và vật kiến trúc	25.998.412.269	8.468.881.893	32,57%
2	Máy móc, thiết bị	4.379.025.226	1.505.646.947	34,38%
3	Phương tiện vận tải	3.451.400.550	1.689.443.005	48,95%
4	Thiết bị văn phòng	-	-	-
II	Tài sản cố định vô hình	3.111.027.000	2.448.305.620	78,70%
1	Quyền sử dụng đất	2.996.027.000	2.347.680.620	78,36%
2	Phần mềm máy tính	115.000.000	100.625.000	87,50%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2016 của CTCP Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội

Bảng 18: Giá trị tài sản cố định tại ngày 30/09/2017

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	GTCL/Nguyên giá (%)
I	Tài sản cố định hữu hình	32.013.645.595	10.204.588.860	31,88%
1	Nhà xưởng và vật kiến trúc	24.183.219.819	7.400.276.541	30,60%
2	Máy móc, thiết bị	4.379.025.226	1.314.670.043	30,02%
3	Phương tiện vận tải	3.451.400.550	1.489.642.276	43,16%
4	Thiết bị văn phòng	-	-	-

BẢN TÓM TẮT THÔNG TIN CTCP XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC – THỰC PHẨM HÀ NỘI

STT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	GTCL/Nguyên giá (%)
II	Tài sản cố định vô hình	3.111.027.000	2.389.725.187	76,81%
1	Quyền sử dụng đất	2.996.027.000	2.303.475.185	76,88%
2	Phần mềm máy tính	115.000.000	86.250.002	75,00%

Nguồn: BCTC Quý III/2017 của CTCP Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty

❖ **Chỉ tiêu kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức của Công ty giai đoạn 2017 – 2018:**

Bảng 19: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức của Công ty giai đoạn 2017 -2018

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Kế hoạch năm 2017		Kế hoạch năm 2018	
		Giá trị	% so với 2016	Giá trị	% so với 2017
Vốn điều lệ	30.000	30.000	-	30.000	-
Doanh thu thuần	853.775	850.000	-0,44%	700.000	-21,43%
Lợi nhuận trước thuế	2.104	2.100	-0,19	2.250	7,14%
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu thuần (%)	0,25%	0,25%	-	0,32%	-
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Vốn điều lệ (%)	7,01%	7%	-	7,5%	-
Tỷ lệ cổ tức (%)	3,5%	4%	33,33%	3,5%	-12,5%

Nguồn: Kế hoạch kinh doanh năm 2017 đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 CTCP Xuất nhập khẩu Lương thực Thực phẩm Hà Nội

(*) Công ty dự báo kế hoạch doanh thu năm 2017 sẽ giảm rất nhẹ do tình hình thời tiết mất mùa, sản lượng gạo không được đều. Cộng thêm với đó là sự xuất hiện của các mặt hàng gạo từ nước ngoài nhập khẩu vào Việt Nam khiến cho thị trường gạo trong nước không ổn định. Tuy nhiên với tên tuổi và vị thế của Công ty trên thị trường thì sự suy giảm sẽ không rõ rệt lắm.

❖ **Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên:**

Dự báo hoạt động kinh doanh xuất khẩu gạo trong thời gian tới vẫn còn nhiều khó khăn, nên Công ty tích cực chủ động trong công tác tìm kiếm khách hàng mới, tăng cường xúc tiến các hợp đồng thương mại; đẩy mạnh kinh doanh đối với mặt hàng thế mạnh; tích cực trong công tác thu mua, chế biến; tổ chức kiểm tra, quản lý tốt chất lượng đầu vào và ra; tiết giảm chi phí, giảm giá thành sản xuất, gia tăng hiệu quả sử dụng vốn. Ngoài ra, Công ty cũng tích cực thu thập thông tin, dự báo diễn biến tình hình thị trường trong và ngoài nước để có quyết định mua bán chính xác, hiệu quả. Để đảm bảo đạt được kế hoạch nói trên của Công ty, Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội tập trung thực hiện một số nội dung sau:

- Cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, chuyên môn hóa.
- Hoàn thiện các Quy chế quản lý trong Công ty, công tác đào tạo Cán bộ nhân viên được chú trọng.
- Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông, phát huy sự ủng hộ, đồng thuận của đại hội đồng cổ đông.

❖ ***Đánh giá của Công ty về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức đã thực hiện tính đến thời điểm 30/9/2017***

Căn cứ theo số liệu báo cáo tài chính quý III/2017 của Công ty, Doanh thu thuần của Công ty tính tới thời điểm 30/9/2017 là 617.618.040.600 đồng, đạt 72,6% kế hoạch doanh thu đề ra cho năm 2017. Lợi nhuận trước thuế tính tới thời điểm 30/9/2017 là 1.651.163.090 đồng, đạt 78,6 % kế hoạch lợi nhuận đã đề ra cho năm 2017. Thời điểm cuối năm là thời điểm thị trường có nhu cầu cao về tiêu thụ lương thực, thực phẩm trong đó có gạo. Do đó, khả năng hoàn thành được kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận của Công ty đã đề ra trong năm 2017 là rất khả thi.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty đại chúng

Không có

15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

❖ **Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016 – 2018**

• **Tiếp tục duy trì hoạt động SXKD:**

- Tiếp tục duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh cung ứng và ủy thác, xuất khẩu các mặt hàng nông sản, lương thực, thực phẩm. Tập trung đẩy mạnh công tác kinh doanh nội địa, cung ứng cho các đơn vị, nhà máy, tổ chức.
- Nâng cao chất lượng công tác xây dựng thương hiệu trên cơ sở tăng về số lượng cũng như nâng cao chất lượng gạo thương hiệu; Bên cạnh đó, kết hợp tăng cường các hoạt động Marketing, mở rộng thị trường, tìm kiếm khách hàng mới; nâng cao mối quan hệ và không ngừng giám sát chất lượng với các nhà cung cấp và sản xuất, tạo chân hàng ổn định, liên tục lâu dài.

- Tiếp tục thực hiện quản lý, khai thác có hiệu quả màng lưới kinh doanh phù hợp ngành nghề được đăng ký kinh doanh.
- Cập nhật các quy định Pháp luật, chính sách của Nhà nước có liên quan tới hoạt động SXKD của Công ty.
- **Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra các hoạt động kinh doanh trên cơ sở màng lưới kinh doanh của Công ty; kết hợp với công tác hướng dẫn các cơ sở kinh doanh tuân thủ quy định của Nhà nước và Công ty.**
- Tham gia các chương trình dự trữ lưu thông, bình ổn giá, điều tiết mặt hàng lương thực, thực phẩm trên địa bàn theo chủ trương của các cơ quan ban ngành chức năng khi có yêu cầu.
- Tham gia thu mua dự trữ lúa gạo theo quy định sự chỉ đạo của Nhà nước. Thực hiện đúng quy định luật Giá, đảm bảo công tác quản lý giá theo đúng quy định của Nhà nước.
- **Phát triển thêm ngành nghề, mặt hàng, dịch vụ mới:**
- Ngoài các mặt hàng truyền thống đang triển khai SXKD, Công ty dự kiến mở rộng thêm một số ngành hàng kinh doanh gắn liền với Lương thực, thực phẩm, làm đại lý phân phối...
- Mở rộng và phát triển kinh doanh nông sản.
- **Đầu tư các dự án mới:**
- Trong giai đoạn tới, Công ty tiếp tục thực hiện các dự án đã được lên kế hoạch, phê duyệt của các cơ quan chức năng và ban quản trị.
- ❖ **Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty**
- **Thuận lợi:**
- Về con người: Nhân sự của Công ty tương đối ổn định, đội ngũ lãnh đạo có kinh nghiệm và hiểu rõ về doanh nghiệp, thị trường để có những định hướng, quyết định phù hợp trong từng thời điểm.
- Về cơ sở vật chất: Công ty có màng lưới kinh doanh rộng trên địa bàn Hà Nội, nhà máy chế biến lương thực và kho hàng tại An Giang, tạo điều kiện cho sự phát triển hoạt động kinh doanh lương thực và kinh doanh đa dạng các ngành hàng theo chiến lược Công ty đã xây dựng,
- Về tổ chức bộ máy: Văn phòng Công ty và các Chi nhánh đảm bảo hoạt động ổn định, tạo công ăn việc làm cho người lao động.
- **Khó khăn:**

- Năm 2016 là năm thời tiết diễn biến phức tạp, hạn hán xâm nhập mạnh những tháng đầu năm và mưa lũ những tháng cuối năm đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản lượng và chất lượng cây trồng nông nghiệp nói riêng và cây lúa nói riêng. Cùng với đó tình hình kinh tế vẫn còn nhiều bất ổn, thách thức, thị trường tiêu thụ hàng hóa bị thu hẹp, hàng tồn kho ở mức cao, sức mua giảm, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn. Tiếp tục diễn biến thị trường năm 2015, năm 2016 kinh doanh gạo vẫn còn gặp nhiều khó khăn, nhất là thị trường xuất khẩu gạo tẻ, chịu sự cạnh tranh quyết liệt từ các nước trong khu vực như Thái Lan, Myanma.... Thị trường nhập khẩu gạo Việt Nam chủ yếu như Trung Quốc, Philippine, Malaysia, Mỹ đều giảm lượng nhập khẩu; giá gạo xuất khẩu giảm, hiệu quả kinh doanh không cao. Trước tình hình trên, Công ty đã tích cực, tăng cường khai thác mặt hàng thế mạnh là gạo nếp và gạo thơm, có nguồn khách hàng truyền thống, uy tín, theo đó sản lượng lúa gạo bán ra năm 2016 đạt 50.274 tấn tăng 21,2% so với mức 41.481 tấn năm 2015. Vì vậy, mặc dù giá xuất khẩu giảm nhưng doanh thu từ xuất khẩu gạo vẫn tăng từ 403,2 tỷ đồng năm 2015 lên 454,4 tỷ đồng năm 2016, tương đương tăng 12,7%.
- Nhân sự quản lý của Công ty gặp khó khăn do nhân sự quản lý dần tới độ tuổi nghỉ theo chế độ chính sách của Nhà nước, việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kế cận tuy đã được quan tâm nhưng còn chưa thể đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới.
- Cơ sở vật chất màng lưới kinh doanh tuy có nhưng nhỏ hẹp, manh mún, qua thời gian dài sử dụng đã xuống cấp nghiêm trọng, chưa có sự đầu tư.
- Công ty có số vốn lưu động hạn hẹp nên áp lực về vốn kinh doanh của Công ty là rất lớn.
- Tổ chức bộ máy tuy đã được tinh giản gọn nhẹ, theo hướng phù hợp với nhu cầu công việc nhưng vẫn còn nặng về quản lý, chưa tạo sự linh hoạt, nhân sự kinh doanh hoặc trực tiếp kinh doanh vẫn còn yếu và thiếu. Cơ cấu các Chi nhánh phân bố trên địa bàn không đồng đều, đôi khi tạo sự chòng chéo, tạo áp lực ngay từ bản thân hệ thống.
- Về chính sách của Nhà nước:
 - + Các chính sách thuế: Thuế GTGT dự kiến tăng 12%, các loại phí liên quan tới hoạt động của doanh nghiệp cũng dự kiến tăng.
 - + Chính sách quản lý giá đối với mặt hàng chủ lực của Công ty: cơ chế quản lý giá còn nặng về hành chính, chưa tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc tự chủ kinh doanh.
 - + Chính sách áp dụng thu tiền thuê nhà, tiền thuê đất của UBND thành phố Hà Nội.
 - + Các chính sách khác: các quy định tiếp cận nguồn vốn của doanh nghiệp vừa và nhỏ có nhiều khó khăn.
 - + Chính sách an ninh lương thực, bình ổn giá, dự trữ lưu thông, phòng chống bão lụt và tình trạng khẩn cấp của Nhà nước.

- + Chính sách điều chỉnh cơ cấu trong xuất khẩu các sản phẩm lương thực.
- Biến đổi khí hậu ảnh hưởng tới sản lượng, diện tích gieo trồng. Do hạn hán xâm nhập mặn ở các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long dẫn đến sản lượng lúa sụt giảm mạnh, giá lúa hàng hóa tăng cao trong khi giá xuất khẩu tăng chậm; chất lượng hàng hóa ở miền Bắc còn chưa đều nên ảnh hưởng tới hoạt động phát triển thị trường của đơn vị.
- Sản lượng trên toàn thế giới theo dự báo tăng cao, xuất hiện nhiều đối thủ cạnh tranh bên cạnh sự cạnh tranh của các đối thủ hiện tại.
- Sự sụt giảm về nhu cầu của thị trường đối với các mặt hàng gạo thương hiệu, chính sách về thuế tạo sự cạnh tranh không lành mạnh giữa doanh nghiệp và tư thương cùng kinh doanh mặt hàng lương thực.
- Kinh doanh nội địa cũng gặp nhiều khó khăn, do đầu ra của các sản phẩm nông sản, lương thực hạn chế nên các doanh nghiệp, tư thương tập trung phát triển kinh doanh nội địa, tạo áp lực thu mua cho các cơ sở, nhà máy có lượng tiêu thụ sản phẩm lớn.
- Các doanh nghiệp gặp vấn đề khó khăn về tài chính, nên sẵn sàng lợi dụng về nguồn vốn kinh doanh, do vậy, Công ty cũng cần có những quyết định đúng đắn thận trọng trong quá trình kinh doanh để tránh việc thất thoát vốn.

16. Các thông tin tranh chấp, kiện tụng liên quan đến Công ty

Không có

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) của Công ty như sau:

Bảng 20: Danh sách thành viên HĐQT

STT	Họ và tên	Nam/Nữ	Chức danh	Ghi chú
1	Đào Tiến Dũng	Nam	Chủ tịch HĐQT	TV HĐQT không điều hành
2	Trần Hữu Hạnh	Nam	Thành viên HĐQT	TV HĐQT điều hành
3	Bùi Thị Tú Giang	Nữ	Thành viên HĐQT	TV HĐQT điều hành
4	Hoàng Đức Mạnh	Nam	Thành viên HĐQT	TV HĐQT không điều hành
5	Nguyễn Vũ Hoan	Nam	Thành viên HĐQT	TV HĐQT không điều hành

Nguồn: CTCP Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội

❖ Ông Đào Tiến Dũng – Chủ tịch HĐQT

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 12/4/1958

Nơi sinh : Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế ngành Kế toán Công nghiệp

Chức vụ đang nắm giữ : Bí thư Đảng ủy; Chủ tịch HĐQT Công ty tại Công ty

Chức vụ đang nắm giữ : Thành viên HĐQT Công ty cổ phần phân phối bán lẻ VNF1 tại tổ chức khác từ tháng 11 năm 2011

Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
8/1982 – 3/2001	Sở Lương thực Hà Nội	Cán bộ thuộc Sở Lương thực Hà Nội
4/2001 – 3/2005	Công ty Lương thực Hà Nội	Trưởng phòng Tài chính kế toán
4/2005 – 2/2006	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực- Thực phẩm Hà Nội	Ủy viên HĐQT; Kế toán trưởng
3/2006 – 7/2006	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực- Thực phẩm Hà Nội	Ủy viên HĐQT; Phó Giám đốc Công ty.

8/2006 – 10/2008	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực- Thực phẩm Hà Nội	Ủy viên HĐQT; Phó Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Chi nhánh An Giang.
11/2008 – 10/2011	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực- Thực phẩm Hà Nội	Ủy viên HĐQT; Phó Giám đốc Công ty.
11/2011 - nay	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực - Thực phẩm Hà Nội	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.
11/2011 - nay	Công ty cổ phần phân phối bán lẻ VNF1	Thành viên Hội đồng quản trị

Số cổ phần nắm giữ :

- Sở hữu cá nhân : 12.000 cổ phần, tương ứng 0,40% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện : Đại diện quản lý phần vốn Nhà nước của Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc tại Công ty là 612.000 cổ phần, tương ứng 20,4% Vốn Điều lệ

Số CP nắm giữ của người có liên quan : 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

Thù lao và các lợi ích khác : - Theo Quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

❖ Ông Trần Hữu Hạnh – Thành viên HĐQT

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 30/01/1967

Nơi sinh : Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế ngành Kinh doanh thương mại

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Phó bí thư Đảng ủy; Thành viên HĐQT Công ty, Giám đốc Công ty

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không có

Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/1984 – 3/2001	Sở Lương thực Hà Nội	Cán bộ thuộc Sở Lương thực Hà Nội.
4/2001 – 3/2005	Công ty Lương thực Hà Nội.	Cán bộ Kinh doanh Thị trường.

4/2005 – 8/2006	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực- Thực phẩm Hà Nội	Phó trưởng phòng Kinh doanh thị trường
9/2006 – 6/2011	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực- Thực phẩm Hà Nội.	Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực- Thực phẩm Hà Nội
7/2011 – 9/2012	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực- Thực phẩm Hà Nội.	Ủy viên HĐQT; Phó Giám đốc công ty kiêm Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực- Thực phẩm Hà Nội tại An Giang.
10/2012 – nay	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực- Thực phẩm Hà Nội.	Ủy viên HĐQT; Giám đốc Công ty.

Số cổ phần nắm giữ :

- Sở hữu cá nhân : 18.100 cổ phần, tương ứng 0,6% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện : Đại diện quản lý phần vốn góp của Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc là 459.000 cổ phần, tương ứng 15,3% vốn điều lệ.

Số CP nắm giữ của người có liên quan : 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

Thù lao và các lợi ích khác : Theo Quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

❖ Bà Bùi Thị Tú Giang – Thành viên HĐQT

Giới tính : Nữ

Ngày sinh : 27/11/1970

Nơi sinh : Thanh Hóa

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Thường vụ Đảng ủy; Thành viên HĐQT Công ty, Phó Giám đốc Công ty

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không có

Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
7/2000 – 2/2004	Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	Cán bộ
3/2004 – 3/2005	Công ty Lương thực Hà Nội	Phó phòng Kinh doanh Thị trường
4/2005 – 7/2006	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực- Thực phẩm Hà Nội	Ủy viên HĐQT; Trưởng phòng Kinh doanh Thị trường
8/2006 – nay	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực- Thực phẩm Hà Nội	Ủy viên HĐQT; Phó Giám đốc Công ty

Số cổ phần nắm giữ :

- Sở hữu cá nhân : 88.700 cổ phần, tương ứng 2,96% vốn điều lệ

- Sở hữu đại diện : 0 cổ phần

Số CP nắm giữ của người có liên quan : 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

Thù lao và các lợi ích khác : Theo Quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

❖ **Ông Hoàng Đức Mạnh – Thành viên HĐQT**

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 28/11/1961

Nơi sinh : Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ : Ủy viên BCH Đảng ủy; Thành viên HĐQT Công ty, Giám đốc Chi nhánh Thương mại Đồng Đa

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không có

Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
9/1982 – 1/1985	Trường PTCS Liên Quan, Thạch Thất, Hà Nội	Giáo viên
2/1985 – 3/1987	Trung đoàn 212 Sư đoàn 361	Bộ đội
4/1987 – 3/2001	Sở Lương thực Hà Nội	Cán bộ thuộc Sở Lương thực Hà Nội

4/2001 – 4/2005	Công ty Lương thực Hà Nội	Phụ trách kế toán Chi nhánh
5/2005 – 3/2015	Chi nhánh Thương mại Đồng Đa- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực Thực phẩm Hà Nội	Phó Giám đốc Chi nhánh - Giám đốc Chi nhánh
4/2015 – nay	Chi nhánh Thương mại Đồng Đa- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực Thực phẩm Hà Nội	Ủy viên HĐQT; Giám đốc Chi nhánh

Số cổ phần nắm giữ :

- Sở hữu cá nhân : 16.500 cổ phần, tương ứng 0,55% vốn điều lệ

- Sở hữu đại diện : 0 cổ phần

Số CP nắm giữ của người có liên quan : 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

Thù lao và các lợi ích khác : Theo Quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

❖ Ông Nguyễn Vũ Hoan – Thành viên HĐQT

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 23/10/1971

Nơi sinh : Hà Tĩnh

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ

Chức vụ đang nắm giữ : Thành viên HĐQT Công ty tại Công ty

Chức vụ đang nắm giữ : Không có tại tổ chức khác

Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
7/1996 – 10/2001	Trung tâm thủy công - Viện khoa học và kinh tế thủy lợi	Kỹ sư
10/2001 – 11/2002	Học cao học tại Delft- Hà Lan	Học viên
11/2002 – 9/2005	Trung tâm thủy công - Viện Khoa học và kinh tế thủy lợi	Quyền Trưởng bộ môn công trình Trung du - Miền núi

9/2005 – 6/2008	Vụ Hợp tác quốc tế - Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Chuyên viên
4/2008 – 6/2012	Vụ Hợp tác quốc tế - Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Phó trưởng phòng Tổng hợp
6/2012 – 12/2016	Tổng công ty Lương thực miền Bắc	Phó Trưởng ban - Phụ trách Ban tham mưu tổng hợp
12/2016 – nay	Tổng công ty Lương thực miền Bắc	Trưởng ban Kiểm soát nội bộ
12/2016 – nay	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực Thực phẩm Hà Nội	Thành viên HĐQT

Số cổ phần nắm giữ :

- Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

- Sở hữu đại diện : Đại diện quản lý phần vốn góp của Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc là 459.000 cổ phần, chiếm 15,3% vốn điều lệ.

Số CP nắm giữ của người có liên quan : 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

Thù lao và các lợi ích khác : Theo Quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

2. Ban kiểm soát

Danh sách thành viên Ban kiểm soát của Công ty như sau:

Bảng 21: Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Nam/Nữ	Chức danh
1	Phạm Thị Thanh Thủy	Nữ	Trưởng ban
2	Trần Thị Bảo	Nữ	Thành viên
3	Bùi Thị Thu Thủy	Nữ	Thành viên

Nguồn: CTCP Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội

❖ Bà Phạm Thị Thanh Thủy – Trưởng Ban Kiểm soát

Giới tính : Nữ
Ngày sinh : 14/9/1967
Nơi sinh : Hà Nội
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
Chức vụ đang nắm giữ : Trưởng Ban Kiểm soát Công ty, Ủy viên Ban Chấp Hành tại Công ty Đảng ủy, Chủ tịch Công đoàn Công ty
Chức vụ đang nắm giữ : Không có tại tổ chức khác
Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
5/1987 – 3/2001	Sở Lương thực Hà Nội	Cán bộ thanh tra
4/2001 – 3/2005	Công ty Lương thực Hà Nội	Cán bộ phòng nghiệp vụ
4/2005 – 4/2010	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực- Thực phẩm Hà Nội	Phó trưởng phòng Tổ chức hành chính
5/2010 – 12/2013	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực- Thực phẩm Hà Nội	Trưởng phòng Tổ chức hành chính; kiêm Trưởng Ban kiểm soát Công ty
1/2014 – nay	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực- Thực phẩm Hà Nội	Trưởng ban Kiểm soát Công ty

Số cổ phần nắm giữ :
- Sở hữu cá nhân : 5.300 cổ phần, tương ứng 0,17% vốn điều lệ.
- Sở hữu đại diện : 0 cổ phần
Số CP nắm giữ của người có liên quan : 0 cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty : Không có
Thù lao và các lợi ích : Theo Quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty khác

❖ Bà Trần Thị Bảo – Thành viên Ban Kiểm soát

Giới tính : Nữ
Ngày sinh : 16/10/1979
Nơi sinh : Nam Định
Quốc tịch : Việt Nam

BẢN TÓM TẮT THÔNG TIN CTCP XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC – THỰC PHẨM HÀ NỘI

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
Chức vụ đang nắm giữ tại : Thành viên Ban Kiểm soát Công ty, Phụ trách Kế toán Công ty
Chi nhánh kinh doanh tổng hợp
Chức vụ đang nắm giữ tại : Không có
tổ chức khác
Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
6/2002 – 3/2005	Nhà máy chế biến Lương thực thực phẩm Hà Nội – Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực- Thực phẩm Hà Nội	Kế toán viên
4/2005 – 7/2005	Chi nhánh sản xuất chế biến lương thực thực phẩm – Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực- Thực phẩm Hà Nội	Kế toán viên
8/2005 – 4/2007	Chi nhánh thương mại Đống Đa - Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực- Thực phẩm Hà Nội	Kế toán viên
4/2007 – 6/2012	Chi nhánh kinh doanh gạo chất lượng cao - Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực- Thực phẩm Hà Nội	Phụ trách Kế toán
7/2012 – 5/2014	Chi nhánh kinh doanh tổng hợp - Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực- Thực phẩm Hà Nội	Phụ trách Kế toán
6/2014 – nay	Chi nhánh kinh doanh tổng hợp - Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực- Thực phẩm Hà Nội	Thành viên Ban Kiểm soát, phụ trách Kế toán

Số cổ phần nắm giữ :
- Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
- Sở hữu đại diện : 0 cổ phần
Số CP nắm giữ của người có liên quan : 0 cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty : Không có
Thù lao và các lợi ích khác : Theo Quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

❖ Bà Bùi Thị Thu Thủy – Thành viên Ban Kiểm soát

Giới tính : Nữ
Ngày sinh : 14/09/1980
Nơi sinh : Quỳnh Trang, Quỳnh Phụ, Thái Bình
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Thành viên Ban Kiểm soát Công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không có
Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
7/2007 – 2/2014	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực- Thực phẩm Hà Nội	Chuyên viên phòng Tài chính kế toán
3/2014 – 3/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực- Thực phẩm Hà Nội	Phụ trách kế toán Chi nhánh Kinh doanh lương thực thực phẩm
4/2017 – nay	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực- Thực phẩm Hà Nội	Thành viên ban Kiểm soát

Số cổ phần nắm giữ :
- Sở hữu cá nhân : 2.000 cổ phần, tương ứng 0,067% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện : 0 cổ phần
Số CP nắm giữ của người có liên quan : 0 cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty : Không có
Thù lao và các lợi ích khác : Theo Quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

3. Ban điều hành

Bảng 22: Danh sách thành viên ban điều hành

STT	Họ và tên	Nam/Nữ	Chức danh	Ghi chú
1	Trần Hữu Hạnh	Nam	Giám đốc	Thành viên HĐQT
2	Bùi Thị Tú Giang	Nữ	Phó Giám đốc	Thành viên HĐQT
5	Nguyễn Văn Sửu	Nam	Phó giám đốc	

Nguồn: CTCP Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội

❖ **Ông Trần Hữu Hạnh – Giám đốc:**

(Xem thông tin ở Danh sách thành viên Hội đồng quản trị)

❖ **Bà Bùi Thị Tú Giang – Phó Giám đốc:**

(Xem thông tin ở Danh sách thành viên Hội đồng quản trị)

❖ **Ông Nguyễn Văn Sửu – Phó giám đốc:**

Giới tính : Nam
Ngày sinh : 16/06/1964
Nơi sinh : Hà Nội
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Phó giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không có
Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1/1989 – 3/2001	Sở Lương thực Hà Nội	Cán bộ thuộc Sở Lương thực Hà Nội
4/2001 – 4/2007	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực- Thực phẩm Hà Nội	Chuyên viên kế toán
5/2007 – 9/2011	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực- Thực phẩm Hà Nội	Phó trưởng phòng Tài chính kế toán
10/2011 – 10/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực- Thực phẩm Hà Nội	Kế toán trưởng
11/2017 – nay	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực- Thực phẩm Hà Nội	Phó giám đốc

Số cổ phần nắm giữ :

- Sở hữu cá nhân : 13.400 cổ phần, tương ứng 0,45% vốn điều lệ

- Sở hữu đại diện : 0 cổ phần

Số CP nắm giữ của người có liên quan : 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

Thù lao và các lợi ích khác : - Theo Quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty;

4. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty

Công ty cam kết tuân thủ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính Phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng. Trường hợp Điều lệ Công ty chưa tuân thủ các quy định về quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty đại chúng, Công ty sẽ rà soát và bổ sung, sửa đổi theo quy định tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính Phủ và tham chiếu Điều lệ mẫu áp dụng cho công ty đại chúng được ban hành kèm theo Thông tư 95/2011/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 về quản trị Công ty đại chúng áp dụng đối với công ty đại chúng.

Các thành viên Ban kiểm soát của Công ty đều có chuyên môn về kế toán kiểm toán, Trưởng ban kiểm soát làm việc chuyên trách tại Công ty, đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp 2014 và điều lệ Công ty.

Công ty thực hiện nghiêm túc và đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin định kỳ và bất thường theo quy định đối với công ty đại chúng. Công ty luôn chú trọng việc nâng cao công tác quản trị, quy chế quản lý nội bộ làm cơ sở triển khai công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trong thời gian tới, Công ty sẽ tăng cường củng cố công tác quản trị doanh nghiệp, nâng cao năng lực bộ máy quản lý điều hành, thực hiện tốt các quy định về quản trị công ty theo các quy định hiện hành. Theo đó hoàn thiện các quy chế, quy định nội bộ nhằm tăng cường sự giám sát và quản lý công ty.

Đổi mới công tác giám sát, đặc biệt là giám sát chiều sâu theo từng lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông qua các thành viên Hội đồng quản trị phụ trách lĩnh vực được phân công. Tăng cường phối hợp trong quá trình hoạt động của Ban Kiểm soát để phát hiện sớm các bất cập, có biện pháp phòng ngừa và xử lý kịp thời, hạn chế rủi ro trong hoạt động tài chính.

III. TÀI LIỆU ĐI KÈM

1. Giấy đề nghị đăng ký giao dịch.
2. Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD).
3. BCTC kiểm năm 2016 của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội và BCTC quý III/2017 của Công ty CP Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội;
4. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực – Thực phẩm Hà Nội.

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC
– THỰC PHẨM HÀ NỘI**



GIÁM ĐỐC

Trần Hữu Hạnh

**TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASEAN**



TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Thị Thanh Bình